TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS-ST
Ngày 08 – 5 – 2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự.

Ông Châu Văn Dỹ.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Khóm x, thi trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Kim T1, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Nguyễn Thanh T, thể hiện*:

Bà có tham gia các dây hụi do bà Trần Kim T1 làm đầu thảo loại hụi 10.000 đồng/ngày, gồm: Dây thứ nhất: Mở ngày 20/7/2006 âl, tham gia 10 chưng, đóng được 100 kỳ; dây thứ hai: Mở ngày 30/7/2006 âl, tham gia 20 chưng, đóng được 90 kỳ và dây thứ ba: Mở ngày 20/8/2006 âl, đóng được 51 kỳ; sau khi đối trừ tiền hoa hồng thì bà T1 xác nhận số tiền bà đã đóng là 32.700.000 đồng. Sau khi tính số tiền hụi đã đóng, bà T1 trả tiền được 02 lần, một lần 5.000.000 đồng, một lần 5.700.000 đồng và bà T1 giao phần nợ hụi cho bà trực tiếp đi gom 10.240.000 đồng; sau đó giữa bà và bà T1 đối chiếu, xác định số tiền hụi còn lại là 11.760.000 đồng và thỏa thuận trả 300.000 đồng/tháng từ ngày 15/12/2008 nhưng bà T1 không thực hiện. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền hụi còn thiếu là 11.760.000 đồng.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của bà Trần Kim T1, thể hiện*: Bà thừa nhận bà T có tham gia các dây hụi nêu trên, sau khi đối chiếu xác định bà T đã đóng được tổng số tiền 32.700.000 đồng, sau khi đối trừ các khoản bà T1 thừa nhận còn thiếu bà T số tiền 11.760.000 đồng. Bà T1 đồng ý trả cho bà T số tiền trên nhưng chỉ đồng ý trả số tiền 300.000 đồng/tháng từ tháng 5/2023 cho đến khi thanh toán dứt điểm.

XÉT THẤY:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim T1 trả số tiền hụi còn thiếu nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hụi thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà T1 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp.

[3] Các dây hụi được thực hiện trong năm 2006 nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường để giải quyết đối với vụ án này.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã xác định: Bà Nguyễn Thanh T có tham gia các dây hụi ngày do bà Trần Kim T1 làm đầu thảo mở vào các ngày 20/7/2006 âl, 30/7/2006 âl và 20/8/2006 âl. Sau khi đối chiếu thì bà T1 thừa nhận còn thiếu số tiền 11.760.000 đồng. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với giấy tính tiền hụi của bà T1 (do bà T cung cấp) nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Theo Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ thì đầu thảo có nghĩa vụ thu phần họ của các thành viên và giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ. Đến thời điểm hiện tại, các dây hụi do bà T1 làm đầu thảo đã mãn nên bà T1 phải thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền còn thiếu của bà T là phù hợp. Do đó, bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền 11.760.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của bà T1 về việc trả cho bà T 300.000 đồng/tháng, thấy rằng: Thẩm quyền của Hội đồng xét xử chỉ xem xét số tiền còn thiếu, khi có căn cứ sẽ buộc bà T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa với số tiền còn thiếu này; quá trình thi hành án các đương sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về nội dung này là phù hợp.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T1 phải chịu là 588.000 đồng (11.760.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Trần Kim T1 trả cho bà T số tiền 11.760.000 đồng (mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Kim T1 phải chịu 588.000 đồng (năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thanh T không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà T số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013675 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn